

Số: **184** /QĐ-TCCL

Hà Nội, ngày **30** tháng **9** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố công khai dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2025
và thực hiện dự toán Ngân sách Nhà nước của 9 tháng đầu năm 2025**

**VIỆN TRƯỞNG
VIỆN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM**

Căn cứ Quyết định số 555/QĐ-TĐC ngày 10/3/2025 của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2025 và tình hình thực hiện dự toán NSNN của 9 tháng đầu năm 2025 của Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam (theo Phụ lục 1, biểu số 02 và 03 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Chánh Văn phòng Viện, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*đ*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban (để báo cáo);
- Lưu: HS, VT.

VIỆN TRƯỞNG



Triệu Việt Phương

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỢT 3 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số **189** /QĐ-TCCL ngày **30**.../**9**.../**2025**...
của Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	0
1	Lệ phí	
2	Phí	0
	Phí Mã số mã vạch	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (MSMV)	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
1	Lệ phí	
2	Phí	
	Phí Mã số mã vạch	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	13.968,2
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	12.618,2
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	3.360,0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	3.360,0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	-
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	6.047,0
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.485,0
2.4	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	205,0
2.5	Quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	521,2
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.350
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.350
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

Ngày 30 tháng 09 năm 2025
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



VIỆN TRƯỞNG
Triệu Việt Phương



CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH
9 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 189 /QĐ-TCCL ngày 30.../...9.../2025... của Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 3/2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện Q3/2025/ Thực hiện Q3/2024 (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (MSMV)				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	13.968,2	10.791,2	77	168
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học	12.618,2	10.295,9	82	160
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	3.360,0	4.661,2	139	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp QG	3.360,0	4.661,2	139	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	-			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	6.047	5.601,8	93	128
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.485	32,9	1	46
2.4	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	205	0	0	0
2.5	Quỹ tiền thưởng theo ND 73/2024/ND-CP	521,2	0	0	0



Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 3/2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện Q3/2025/ Thực hiện Q3/2024 (tỷ lệ %)
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.350	495	37	0
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.350	495,3	37	0
7.3	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
110.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Ngày 30 tháng 09 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



VIỆN TRƯỞNG
Triệu Việt Phương